

Số: 359/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 12 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính
năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định có liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC và rà soát, đánh giá TTHC;

Căn cứ Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc rà soát, cập nhật, công bố, công khai TTHC trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch hoạt động Kiểm soát TTHC năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 288/TTr-STP ngày 30/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch rà soát, đánh giá thực tiễn hành chính năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KSTTHC, Bộ Tư Pháp;
- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP;
- Lưu: VT, P.NC-NgV. DN06 (03/01) SK



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trâm

**KẾ HOẠCH
RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
NĂM 2015 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 359 /QĐ-UBND ngày 12/02/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC) nhằm kịp thời phát hiện để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ quy định, TTHC không cần thiết, không phù hợp, không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn tại bộ TTHC do Chủ tịch UBND tỉnh công bố, nhằm cắt giảm chi phí về thời gian và tài chính của tổ chức, cá nhân trong việc tuân thủ TTHC, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, giải phóng mọi nguồn lực của xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo điều kiện cho kinh tế phát triển.

2. Yêu cầu

- Lãnh đạo đơn vị tập trung quán triệt, chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức tổ chức thực hiện nghiêm việc rà soát, đánh giá TTHC, sản phẩm rà soát, đánh giá TTHC phải cụ thể, thiết thực và đáp ứng được mục tiêu rà soát, đánh giá.

- Kết quả rà soát, đánh giá TTHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đề xuất được Phương án Đơn giản hóa TTHC, sửa đổi các quy định, cắt giảm mạnh TTHC hiện hành, đặc biệt các thủ tục mang tính chất hành chính hóa các quan hệ dân sự, kinh tế.

- Áp dụng nguyên tắc công khai, minh bạch, tham vấn người dân, doanh nghiệp cho việc rà soát, đánh giá TTHC.

II. Nội dung, lĩnh vực rà soát, đánh giá TTHC

Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tiếp tục rà soát theo từng lĩnh vực, theo nhóm TTHC và từng thủ tục trong nhóm đảm bảo chất lượng; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu và quy định rõ các chỉ tiêu định lượng cụ thể, kết quả sản phẩm, tỷ lệ cắt giảm số lượng TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC, giảm thời lượng thực hiện thủ tục hành chính để đảm bảo tiêu chí đề ra.

1. Sở Nội vụ

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực tôn giáo; văn thư lưu trữ; tổ chức hành chính; sự nghiệp nhà nước; thi đua khen thưởng; Hội, Tổ chức Phi chính phủ; cán bộ, công chức, viên chức và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Sở Tư pháp

Rà soát, đánh giá TTHC về các thủ tục hành chính gồm: Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài; Đăng khai khai sinh có yếu tố nước ngoài; cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài; giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại lần đầu; giải quyết khiếu nại lần hai.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực Đăng ký kinh doanh đầu tư trong nước; đầu tư nước ngoài.

4. Sở Tài chính

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực ngân sách; tài chính hành chính sự nghiệp; đầu tư; quản lý giá, quản lý công sản; tài chính doanh nghiệp; lĩnh vực khiếu nại, tố cáo.

5. Sở Công Thương

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp tiêu dùng; điện; lưu thông hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu; quản lý cạnh tranh; xúc tiến thương mại.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực kiểm lâm; trồng trọt bảo vệ thực vật; lâm nghiệp; quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực đất đai; đo đạc bản đồ; tài nguyên nước và khí tượng thủy văn; khoáng sản; môi trường; giá đất; thanh tra.

8. Sở Ngoại vụ

Rà soát, đánh giá TTHC về lĩnh vực lãnh sự.

9. Ban Quản lý Khu Kinh tế

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực thành lập và phát triển doanh nghiệp; việc làm; môi trường; đầu tư tại Việt Nam; lưu thông hàng hóa trong nước và xuất khẩu; nhập khẩu, lao động tiền lương; an toàn lao động; lao động ngoài nước.

10. Sở Giao thông vận tải

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực đường bộ; đường thủy nội địa.

11. Sở Lao động -Thương binh và Xã hội

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội; dạy nghề; người có công; bảo trợ xã hội; việc làm; an toàn lao động; lao động tiền lương; bảo hiểm thất nghiệp; bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực văn hóa, du lịch, thể thao; gia đình và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

13. Sở Giáo dục và Đào tạo

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực giáo dục và đào tạo; quy chế thi, tuyển sinh, văn bằng, chứng chỉ.

14. Sở Y tế

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực dược mỹ phẩm; khám chữa bệnh; vệ sinh an toàn thực phẩm; giám định y khoa.

15. Sở Thông tin và Truyền thông

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực xuất bản; báo chí.

16. Sở Khoa học và Công nghệ


Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ.

17. Ban Dân tộc

Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực chính sách dân tộc; thanh tra công tác dân tộc.

18. Sở Xây dựng: Rà soát, đánh giá tất cả các TTHC thuộc lĩnh vực xây dựng.

19. Ủy ban nhân dân cấp huyện

STT	Đơn vị	Lĩnh vực đánh giá, rà soát	Ghi chú
1	UBND thị xã Phước Long	<ul style="list-style-type: none">- Lĩnh vực Tư pháp: Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực hành chính tư pháp, chứng thực, nuôi con nuôi.- Lĩnh vực Nội vụ: Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực công chức, viên chức, tôn giáo, thi đua khen thưởng;-Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường: Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực về đất đai và môi trường.- Lĩnh vực Tài chính – kế hoạch: Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực đăng ký kinh doanh, thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, quyết toán xây dựng cơ bản.- Lĩnh vực LĐ TB &XH: Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội, dạy nghề, người có công, lao động việc làm, bảo hiểm y tế.- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực giáo dục.- Lĩnh vực Kinh tế: Rà soát, đánh giá TTHC về các lĩnh vực công thương, lâm nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn.- Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin: Rà soát, đánh giá các TTHC về Văn hóa - Thông tin.- Lĩnh vực Quản lý đô thị: Rà soát, đánh giá các TTHC về cấp giấy phép xây dựng.	

2	UBND thị xã Bình Long	<ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường: Rà soát, đánh giá các TTHC về cấp đổi Giấy CNQSD đất; chuyển mục đích sử dụng đất trong trường hợp phải xin phép. - Lĩnh vực Quản lý đô thị: Rà soát, đánh giá các TTHC về cấp giấy phép xây dựng, thẩm định quy hoạch chi tiết, cung cấp thông tin quy hoạch. - Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch: Rà soát, đánh giá các TTHC về đăng ký kinh doanh hộ cá thể, đầu tư. - Lĩnh vực LĐ TB & XH: Rà soát, đánh giá các TTHC về chi hỗ trợ cho trẻ em bị xâm phạm tình dục sau khi trở về gia đình hoặc nơi cư trú; chi hỗ trợ cho trẻ em lang thang và trẻ em phải lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại nguy hiểm; hỗ trợ cho phụ nữ bị buôn bán ra nước ngoài trở về; các TTHC thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội. - Lĩnh vực Nội vụ: Rà soát, đánh giá các TTHC về cho phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong thị xã và xã phường (nếu được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền); thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong thị xã và xã phường (nếu được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền). - Lĩnh vực Tư pháp: Rà soát, đánh giá các TTHC về thay đổi, cải cách hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên và xác định lại dân tộc; xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch; điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp không phân biệt độ tuổi; cấp lại bản chính giấy khai sinh. - Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Rà soát, đánh giá các TTHC về chuyển trường đối với học sinh Trung học cơ sở; cấp giấy phép dạy thêm, học thêm. - Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin: Rà soát, đánh giá các TTHC về đăng ký hoạt động thư viện có vốn sách ban đầu từ 1000 bản đến dưới 2000 bản; cấp phép Karaoke. - Lĩnh vực Kinh tế: Rà soát, đánh giá các TTHC về cấp và cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu. 	
3	UBND huyện Bù Gia Mập	<ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực Tư pháp: Rà soát, đánh giá TTHC về lĩnh vực hành chính - tư pháp và các TTHC về chứng thực. - Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch: Rà soát, đánh giá các TTHC về tài chính doanh nghiệp; quản lý tài sản công; quản lý giá; tài chính ngân sách. - Lĩnh vực Nội vụ: Rà soát, đánh giá các TTHC về Nội vụ; công chức; viên chức và tôn giáo. - Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Rà soát, đánh giá các TTHC về lĩnh vực giáo dục và đào tạo. - Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin: Rà soát, đánh giá các TTHC về 	

		<p>lĩnh vực văn hóa và du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT: Rà soát, đánh giá các TTHC về lĩnh vực lâm nghiệp và nông nghiệp. - Lĩnh vực Kinh tế - Hạ tầng: Rà soát, đánh giá các TTHC về kiến trúc và quy hoạch xây dựng; xây dựng hạ tầng, kỹ thuật và đô thị; cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh thuốc lá, rượu, bia cho tổ chức, cá nhân. - Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội: Rà soát, đánh giá các TTHC về phòng, chống tệ nạn xã hội; người có công và bảo hiểm y tế. - Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường: Rà soát, đánh giá các TTHC về đất đai; đo đạc bản đồ; môi trường. 	
4	UBND huyện Bù Đốp	<ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực Tư pháp: Rà soát, đánh giá các TTHC về lĩnh vực hộ tịch. - Lĩnh vực Kinh tế - Hạ tầng: Rà soát, đánh giá các TTHC về cấp giấy phép xây dựng; cấp giấy phép sản xuất kinh doanh; thẩm định quy hoạch xây dựng. - Các lĩnh vực: Tài nguyên và Môi trường; Lao động - Thương binh và Xã hội; Nông nghiệp và PTNT; Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ; Tài chính - Kế hoạch; Lâm nghiệp; Văn hóa - Thông tin thực hiện rà soát, đánh giá các TTHC theo lĩnh vực. 	
5	UBND huyện Hớn Quản	<ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực Nội vụ: Rà soát, đánh giá các TTHC về tôn giáo; thi đua khen thưởng. - Lĩnh vực Tư pháp: Rà soát, đánh giá các TTHC về đăng ký và quản lý hộ tịch; chứng thực. - Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT: Rà soát, đánh giá các TTHC về cấp mới, cấp đổi và cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại. - Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội: Rà soát, đánh giá các TTHC về giải quyết hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng; giải quyết cứu trợ đột xuất; chế độ trợ cấp tiên tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công từ trần; giải quyết trợ cấp hàng tháng hoặc một lần đối với người có công giúp đỡ cách mạng; hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng; giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ. - Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch: Rà soát, đánh giá các TTHC về bán đấu giá; sử dụng vốn ngân sách nhà nước. - Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường: Rà soát, đánh giá các TTHC: Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng; đính chính giấy CNQSD đất có sai sót; đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép; chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép, tách thửa, hợp thửa; đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do đổi tên; giám diện 	

		<p>tích sử dụng đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn mức hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu chính, cấp (hạng) nhà, công trình; thay đổi thông tin về sử hữu rừng cây.</p> <p>- Lĩnh vực Kinh tế - Hạ tầng: Rà soát, đánh giá các TTHC về cấp giấy phép kinh doanh và xây dựng.</p> <p>- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Rà soát, đánh giá TTHC về chuyển trường đối với học sinh Trung học cơ sở.</p> <p>- Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin: Rà soát, đánh giá các TTHC về cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình; xét và công nhận xã đạt chuẩn Văn hóa nông thôn mới; công nhận thôn văn hóa; làng văn hóa; ấp văn hóa; bản văn hóa và tương đương.</p>	
6	UBND huyện Bù Đăng	Rà soát, đánh giá các TTHC trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc phạm vi và thẩm quyền của UBND huyện. Trọng tâm các TTHC qua phát hiện trong việc giải quyết TTHC hoặc từ tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức còn vướng mắc, bất cập khó thực hiện.	
7	UBND huyện Đồng Phú	Rà soát, đánh giá các TTHC trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc phạm vi và thẩm quyền của UBND huyện. Trọng tâm lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, đất đai và đăng ký kinh doanh.	
8	UBND huyện Chơn Thành	Rà soát, đánh giá các TTHC trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc phạm vi và thẩm quyền của UBND huyện. Trọng tâm lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội.	
9	UBND huyện Lộc Ninh	Rà soát, đánh giá các TTHC trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc phạm vi và thẩm quyền của UBND huyện.	
10	UBND thị xã Đồng Xoài	Rà soát, đánh giá các TTHC trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc phạm vi và thẩm quyền của cấp UBND huyện	

20. Ủy ban nhân dân cấp xã

Căn cứ các lĩnh vực xét thấy cần thiết nhất, chọn TTHC, nhóm TTHC rà soát, đánh giá theo quy định.

21. Các cơ quan, đơn vị khác

Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Bình Phước, Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Cục Hải quan, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện rà soát quy định, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

III. Kết quả thực hiện

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá từng cơ quan, đơn vị xây dựng báo cáo kết quả rà soát đơn giản hóa kèm theo Phương án Đơn giản hóa TTHC và dự thảo quyết định phê duyệt thông qua Phương án Đơn giản hóa TTHC gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để tổng hợp thẩm định và tham mưu Chủ

tịch UBND tỉnh phê duyệt thông qua Phương án Đơn giản hóa TTHC theo đúng quy định.

IV. Tổ chức thực hiện

- Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá TTHC theo đúng nội dung kế hoạch phê duyệt; kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của cơ quan, đơn vị để có biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi cần thiết.

- Các sở, ban, ngành tỉnh chịu trách nhiệm đánh giá, rà soát quy định, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc ngành, lĩnh vực đang thực hiện; đồng thời, xem xét cho ý kiến về kết quả đánh giá rà soát của UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc ngành, lĩnh vực chuyên môn kiến nghị.

- UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện đánh giá, rà soát theo kế hoạch của UBND cấp huyện đã phê duyệt và kiến nghị các sở, ngành, chuyên môn cho ý kiến theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị khác: Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Bình Phước, Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Cục Hải quan, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện rà soát quy định, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

V. Chế độ thông tin báo cáo

Trước ngày 30/08/2015, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan: Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Bình Phước, Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Cục Hải quan, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh gửi Phương án Đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt Phương án Đơn giản hóa về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp thẩm định, tổng hợp báo cáo theo quy định) (mẫu báo cáo, phụ lục, Quyết định, Phương án Đơn giản hóa kèm theo)./.



Nguyễn Văn Trầm

PHỤ LỤC II
RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Biểu mẫu 02/RS-KSTT

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Sở, ban, ngành...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	
2. Lĩnh vực	
3. Văn bản quy định về TTHC	
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Mục tiêu a.n: b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Mục tiêu b.n:
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu 1 của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: - Mục tiêu a.n: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do:

	<p>- Mục tiêu b.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Mục tiêu b.n: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>b) Có được đáp ứng hay không?</p> <p>- Mục tiêu a.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Mục tiêu a.n: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Mục tiêu b.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Mục tiêu b.n: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p>
<p>3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p>	<p>a) Duy trì TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>b) Bãi bỏ TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>c) Thay thế TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p>
<p>4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu CÓ,</p> <p>- Đối với TTHC 1:</p> <p>(i) Nội dung thay đổi:</p> <p>(ii) Lý do:</p> <p>- Đối với TTHC n:</p> <p>(i) Nội dung thay đổi:</p>



(ii) Lý do:

III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC

1. Tên TTHC

Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không? Có Không
(i) Lý do:
(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

2. Trình tự thực hiện

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không? Có Không
(i) Lý do:
(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không? Có Không
(i) Lý do:
(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

3. Các bước thực hiện

Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không? Có Không
(i) Lý do:
(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

4. Hồ sơ

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp về thành phần không? Có Không
(i) Lý do:
(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không? Có Không
(i) Lý do:
(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

5. Thời hạn giải quyết

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? Có Không
(i) Lý do:
(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Cần thiết: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung n: Cần thiết: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

	Không <input type="checkbox"/> Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật <input type="checkbox"/>
b) Pháp lệnh <input type="checkbox"/>
c) Nghị định <input type="checkbox"/>
d) Quyết định của TTCP <input type="checkbox"/>



đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch <input type="checkbox"/>
e) Quyết định của Bộ trưởng <input type="checkbox"/>
g) Văn bản khác <input type="checkbox"/>
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền:	
Điện thoại cố định:; Di động:; Email:	

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

(Tên đơn vị)

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

Bình Phước, ngày tháng năm

BÁO CÁO

KẾT QUẢ RÀ SOÁT ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2015 CỦA SỞ (BAN, NGÀNH, HUYỆN, THỊ XÃ)...

Thực hiện Quyết định số/QĐ-UBND ngày.../.../2015 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Kế hoạch đánh giá TTHC, rà soát quy định, TTHC năm 2015 trên địa bàn tỉnh.

Sở (ban, ngành, huyện, thị xã)... Báo cáo kết quả rà soát đơn giản hóa TTHC năm 2015 như sau:

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, văn bản

STT	Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị					Đạt tỉ lệ đơn giản hóa
		Số lượng VB	Số TTHC			Số lượng VB	Số TTHC					
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
				Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới			Số TTHC cắt giảm	Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
	Tổng số											
I	Thực hiện theo Quyết định rà soát của UBND tỉnh											
II	-----											
III	-----											

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC IV

(Ban hành kèm theo Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 12/02/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua Phương án Đơn giản hóa TTHC trong lĩnh vực....năm
2015 thuộc phạm vi quản lý và giải quyết của

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát TTHC;

Căn cứ Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch hoạt động Kiểm soát TTHC năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-UBND ngày... tháng... năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Phương án Đơn giản hóa...TTHC trong lĩnh vực..... thuộc phạm vi quản lý nhà nước và giải quyết của(Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã:

1. Dự thảo văn bản thực thi Phương án Đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Dự thảo văn bản thực thi Phương án Đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC không thuộc thẩm quyền xử lý sau khi được Chính phủ thông qua.

Điều 3. Giao Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở....., Giám đốc sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT, PCT tỉnh
- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- LBVP, Phòng NC-NgV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC V
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ...
(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 12 tháng năm 2015 của Chủ tịch
UBND tỉnh Bình Phước)

A. Phương án Đơn giản hóa đối với những TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a).....

Lý do:

b).....

Lý do:

Lưu ý: Phải xác định rõ các nội dung đơn giản hóa thuộc thẩm quyền và nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền xử lý (thông qua ký hiệu riêng).

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

1.3. Lợi ích Phương án Đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: ... đồng/năm

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: ... đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: ... đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: ... %.

2. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a).....

Lý do:

b).....

Lý do:

Lưu ý: Phải xác định rõ các nội dung đơn giản hóa thuộc thẩm quyền và nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền xử lý (thông qua ký hiệu riêng).

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

2.3. Lợi ích Phương án Đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: ... đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: ... đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: ... đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: ... %.

B. Phương án Đơn giản hóa đối với những TTHC không thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh.

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a).....

Lý do:

b).....

Lý do:

Lưu ý: Phải xác định rõ các nội dung đơn giản hóa thuộc thẩm quyền và nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền xử lý (thông qua ký hiệu riêng).

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

1.3. Lợi ích Phương án Đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: ... đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: ... đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: ... đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: ... %.

2. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a).....

Lý do:

b).....

Lý do:

Lưu ý: Phải xác định rõ các nội dung đơn giản hóa thuộc thẩm quyền và nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền xử lý (thông qua ký hiệu riêng).

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

2.3. Lợi ích Phương án Đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: ... đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: ... đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: ... đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: ... %.

